

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/DS - PT

Ngày: 29 - 5 - 2020

V/v tranh chấp “*Hợp đồng thuê quyền
sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 453/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị C1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp MT, xã HĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2019); (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp ĐPT, xã ĐHP, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* Phan Thị Thanh H, sinh năm 1983; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TP, xã TT, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn Bé S, sinh năm 1964;

2. Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: số X, Ô Y, khu phố Z, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2019); (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp ĐPT, xã DHP, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Người kháng cáo: Bị đơn Phan Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn nguyên đơn bà Nguyễn Thị C1 trình bày:*

Ngày 26/7/2018 bà và chị Phan Thị Thanh H có ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 2742 tại Phòng công chứng huyện C, bà là bên cho thuê, chị H là bên thuê. Thỏa thuận bà cho chị H thuê quyền sử dụng đất diện tích 464m² đất tọa lạc tại ấp TP1, xã TTB, huyện C trên đất có căn nhà quán ngang 4m, dài 8m kết cấu nền gạch, vách tường, mái tol. Thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/9/2023, giá thuê 6.000.000đồng/tháng; Phương thức thanh toán trả bằng tiền mặt định kỳ hàng tháng vào thời gian từ 01- 05 dương lịch hàng tháng (ở trước trả sau); Hợp đồng còn qui định khi ký kết hợp đồng bên thuê phải giao trước cho bên cho thuê số tiền 36.000.000 đồng. Bà C1 giao ông Bé S và bà M là người nhận số tiền trên và thỏa thuận trong hợp đồng số tiền này sẽ được trừ dần vào 06 tháng cuối cùng trong hợp đồng thuê. Trong quá trình thực hiện, nếu bên thuê không thực hiện đúng hợp đồng thì bên cho thuê không hoàn trả lại số tiền trên. Ngoài ra, nếu có phát sinh hoặc có vấn đề gì khác thì hai bên sẽ bàn bạc thỏa thuận chi phí và phải có sự đồng ý của bên cho thuê. Quá trình thực hiện hợp đồng chị H đã không giao tiền thuê cho bà như đã thỏa thuận. Cụ thể chị H đã nợ bà 05 tháng tiền thuê nhà liên tiếp từ tháng 03/2019 đến 07/2019 với số tiền là 30.000.000 đồng, bà phải đóng tiền điện nước thay cho chị H số tiền 11.453.000 đồng, bà đã nhiều lần yêu cầu chị H thanh toán tiền thuê đất và nhà nhưng chị H không trả tiền thuê nên phát sinh tranh chấp;

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H trả số tiền thuê còn nợ lại bà 05 tháng liên tiếp từ 03/2019 đến 07/2019 theo hợp đồng số 2742 ngày 26/7/2018 với số tiền 30.000.000 đồng và 11.453.000 đồng tiền điện nước và yêu cầu hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản trên đất vì đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán 05 tháng; bà xin rút yêu cầu giao nhà và đất vì chị H đã giao nhà xong; không đồng ý các yêu cầu phản tố chị H.

** Bị đơn có yêu cầu phản tố chị Phan Thị Thanh H trình bày:*

Chị có ký hợp đồng thuê nhà và đất như phía nguyên đơn khai. Tuy nhiên, do quá trình làm ăn phía bà M là người do bà C1 ủy quyền thu tiền nhà, tiền điện nước có hành vi chửi chị, đuổi chị khỏi nhà, tự ý cắt điện nước của chị, chị đã trả tiền thuê nhà cho bà C1 đến tháng 03/2019 chứ không phải như phía nguyên đơn khai chỉ trả đến tháng 02/2019 nên nay theo yêu cầu của bà C1 chị không đồng ý trả tiếp số tiền điện nước 11.453.000 đồng và tiền thuê nhà 30.000.000 đồng theo yêu cầu của bà C1, bà M, ông Bé S. Nay chị có yêu cầu phản tố như sau: Chị đồng ý hủy hợp đồng thuê nhà; yêu cầu bà C1 bồi thường các khoản sau:

- Trả lại chị tiền đặc cọc 36.000.000 đồng;
- Tiền hư hỏng hải sản do bà C1 cắt điện làm hư hải sản của chị trị giá 6.125.000 đồng;
- Tiền mất thu nhập do không kinh doanh mua bán được 54.000.000 đồng;

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé S và bà Nguyễn Thị Thanh M có cùng ý kiến trình bày:*

Ông, bà có quan hệ là chị em ruột với bà C1, ông bà là người được Bà C1 ủy quyền để giao dịch với chị H, thu tiền thuê nhà, tiền điện, nước đối với chị H cho Bà C1 vì nhà ông bà giáp với phần đất cho chị H thuê. Từ khi ký kết hợp đồng, chị H thực hiện đúng hợp đồng trong 06 tháng đầu là từ tháng 7/2018 đến tháng 02/2019 chị H đóng tiền thuê mặt bằng, điện nước đầy đủ, không có ý kiến hay khiếu nại thắc mắc gì. Tuy nhiên, do chị H kinh doanh bắt đầu ế ẩm nên không muốn trả tiền thuê nhà, tiền điện nước cho bà C1, ông bà và bà C1 có nhiều lần đến gặp chị H để đòi tiền thuê nhà, tiền điện nước nhưng chị H không đóng tiền mà vẫn tiếp tục ở, bà C1 phải đóng tiền điện nước thay chị H hết tháng này đến tháng khác, bà C1 có đến trao đổi với chị H về việc trả tiền thuê đất, tiền điện nước nhưng chị H có lời lẽ thách thức. Ngày 02/6/2019 bà C1 không còn khả năng đóng tiền điện nước thay chị H nổi nên buộc lòng báo cho chị H và chính quyền địa phương biết sẽ cắt điện nước không cho chị H tiếp tục sử dụng điện, nước. Đến tháng 7/2019 chị H mới dọn đồ đạc trong nhà trả lại mặt bằng cho bà C1. Nay với yêu cầu phản tố của chị H, ông bà không đồng ý vì lỗi làm cho hợp đồng không thực hiện được là lỗi hoàn toàn do chị H, phía ông bà không có chữ chị H như chị H khai, do đòi tiền chị H nhiều lần nhưng chị H không trả nên có lời qua tiếng lại với nhau chứ ông bà không có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm hay đuổi khách hàng của chị H như chị H khai.

** Bản án dân sự sơ thẩm số: 453/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 472, Điều 468, Điều 481, Điều 500 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C1 yêu cầu chị Phan Thị Thanh H có nghĩa vụ giao trả nhà và đất;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C1.

Hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C1 với chị Phan Thị Thanh H;

Buộc chị Phan Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền thuê nhà 30.000.000 đồng; Tiền điện, nước 6.000.000 đồng, tiền chi phí tố tụng 1.900.000 đồng. Tổng cộng: 37.900.000 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm ngàn đồng).

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của chị H đòi bà Nguyễn Thị C1 trả lại số tiền đặt cọc trước 36.000.000 đồng; Tiền hư hỏng hải sản do bà C1 cắt điện 6.125.000 đồng; Tiền mất thu nhập 54.000.000 đồng;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 6.701.000 đồng; Chị H đã nộp 2.403.125 đồng theo biên lai thu số 0002900 ngày 19/8/2019 nên còn phải nộp tiếp số tiền 4.297.875 đồng. Hoàn lại cho bà C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 875.000 đồng theo biên lai thu số 0002767 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án huyện C;

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 05 tháng 12 năm 2019, bị đơn chị Phan Thị Thanh H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu của chị H, cụ thể: Buộc bà Nguyễn Thị C1 phải hoàn lại cho chị H số tiền mà chị H đặt cọc là 36.000.000 đồng và bồi thường khoản tiền do bà C1 gây thiệt hại cho chị H khi cắt điện, nước làm hư hỏng hải sản của chị là 6.125.000 đồng; Đồng thời bồi thường những ngày mất thu nhập là 36 ngày x 700.000 đồng/ngày = 25.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H trình bày mất thu nhập từ ngày 02/6/2019 đến ngày 08/7/2019, chị kháng cáo yêu cầu không chấp nhận trả cho bà C 130.000.000 đồng tiền thuê mặt bằng và yêu cầu chấp nhận yêu cầu phản tố của chị H; Đại diện theo ủy quyền của bà C1 không đồng ý yêu cầu kháng cáo của chị H; Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C1 là có cơ sở. Chị H có yêu cầu phản tố nhưng chị không cung cấp chứng cứ gì chứng minh phía bà C1 vi phạm hợp đồng. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, chị H kháng cáo yêu cầu không chấp nhận trả 30.000.000 đồng tiền thuê mặt bằng cho bà C1, xét yêu cầu kháng cáo bổ sung của chị H vượt quá phạm vi kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 26/7/2018, bà Nguyễn Thị C1 có cho chị Phan Thị Thanh H thuê mặt bằng nhằm kinh doanh quán ăn uống là quyền sử dụng đất của bà C1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH26232, thửa đất số 186, tờ bản đồ số 39, diện tích 464m², đất tại ấp Tân Phú I, xã Tân Thuận Bình, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp ngày 09/7/2014. Hai bên ký kết hợp đồng và thỏa thuận diện tích cho thuê ngang 08m x dài 15m, trên đất có căn nhà ngang 4m x dài 8m, có kết cấu nền gạch, vách tường, mái tole, tiếp giáp Quốc lộ 50; Thời hạn thuê mặt bằng từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/9/2023 với giá 6.000.000 đồng/tháng. Hai bên phát sinh tranh chấp và đến ngày 31/7/2019 chị H đã dọn tất cả tài sản đi khỏi nhà và đất trên trả lại mặt bằng cho bà C1. Bà C1 và chị H thống nhất chấm dứt Hợp đồng thuê mặt bằng từ ngày 31/7/2019. Tuy nhiên, chị H mới trả tiền thuê mặt bằng cho bà C1 đến tháng 02/2019, còn nợ lại 05 tháng. Án sơ thẩm buộc chị H có nghĩa vụ phải trả cho Bà C1 số tiền thuê mặt bằng là: 5 tháng x 6.000.000 đồng = 30.000.000 đồng là có cơ sở. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận số tiền điện nước chị H còn nợ bà C1 6.000.000 đồng, nên án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Sau khi ký hợp đồng thì bà C1 không trực tiếp giao dịch với chị H mà giao cho ông S, bà M nhận tiền cọc cũng như thu tiền thuê mặt bằng, điện nước. Thời gian đầu thực hiện hợp đồng thì chị H thanh toán tiền thuê mặt bằng và tiền điện nước đầy đủ, mặc dù chị H cho rằng giá điện nước là rất cao nhưng cũng không có ý kiến. Từ ngày 20/3/2019 thì giữa bà C1, ông S, bà M với chị H phát sinh tranh chấp. Bà C1, ông S, bà M trình bày đòi tiền thuê mặt bằng và tiền điện nước nhưng chị H không trả vì chị H kinh doanh thua lỗ. Còn phía chị H trình bày bị ông S, bà M đuổi để lấy lại mặt bằng cho người khác thuê lại nhưng chị H vẫn tiếp tục kinh doanh và cũng không báo chính quyền địa phương để giải quyết. Ngày 03/6/2019, tại Ban quản lý ấp TPI, ông S yêu cầu chị H trả tiền thuê mặt bằng và tiền điện nước từ tháng 3/2019 và chị H yêu cầu trừ dần số tiền cọc 36.000.000 đồng đặt cọc vào tiền thuê nhà và tiền điện nước. Đến ngày 31/7/2019 thì chị H đã dọn tất cả tài sản đi khỏi nhà và đất trên trả lại mặt bằng cho bà C1. Bà C1 và chị H thống nhất chấm dứt Hợp đồng thuê mặt bằng từ ngày 31/7/2019. Do đó, theo thỏa thuận trong hợp đồng thì hai bên thống nhất số tiền cọc 36.000.000 đồng sẽ trừ dần số tiền này cho 06 tháng cuối trong hợp đồng thuê, Nay các bên thống nhất chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, nên chị H yêu cầu trả lại tiền cọc 36.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền hư hỏng hải sản do bà C1 cắt điện làm hư hải sản của chị H trị giá 6.125.000 đồng và tiền mất thu nhập do không kinh doanh mua bán được 36 ngày x 700.000 đồng/ngày = 25.200.000 đồng là không có cơ

sở vì chị H không có căn cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét chấp nhận.

[3] Đối với các chi phí tố tụng: Do tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp “*Thuê quyền sử dụng đất*” và nguyên đơn có yêu cầu tiến hành đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện; Và trong quá trình giải quyết vụ án thì phía nguyên đơn cũng không yêu cầu đối với khoản chi phí tố tụng 1.900.000 đồng này, nhưng cấp sơ thẩm xem xét giải quyết là chưa đúng pháp luật. Tuy nhiên, đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm trong trường hợp này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Phan Thị Thanh H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn chị Phan Thị Thanh H được chấp nhận một phần, nên chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 328, Điều 357, Điều 472, Điều 468, Điều 481, Điều 500 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Phan Thị Thanh H

Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 453/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Phần tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C1 yêu cầu chị Phan Thị Thanh H có nghĩa vụ giao trả nhà và đất.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C1.

Hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C1 với chị Phan Thị Thanh H lập ngày 26/7/2018.

Buộc chị Phan Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền thuê mặt bằng 30.000.000 đồng; Tiền điện, nước 6.000.000 đồng. Tổng cộng: 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Thanh H.

Buộc chị Nguyễn Thị C1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Thanh H số tiền đặc cọc trước 36.000.000 đồng. (*Ba mươi sáu triệu đồng*)

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Thanh H về việc đòi bà Nguyễn Thị C1 trả lại số tiền hư hỏng hải sản do Bà C1 cắt điện 6.125.000 đồng và tiền mất thu nhập 25.200.000 đồng;

5. Về chi phí tố tụng:

Buộc chị Phan Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C1 tiền chi phí tố tụng 1.900.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí:

+ Về án phí sơ thẩm:

Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.366.250 đồng, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.403.125 đồng theo biên lai thu số 0002900 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên còn phải nộp tiếp số tiền 963.125 đồng.

Bà C1 phải chịu 1.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 875.000 đồng theo biên lai thu số 0002767 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên còn phải nộp tiếp số tiền 925 đồng.

+ Về án phí phúc thẩm:

Chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003238 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2020-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn